

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: 79 /TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 7 năm 2021

## TỜ TRÌNH

Ban hành Nghị quyết Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh thống nhất ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, với các nội dung như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Điểm a, khoản 5, Điều 11, Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn (Nghị định số 116), quy định:

“ a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Căn cứ vào quy định tại Điểm b Khoản 1 và Khoản 2 Điều 4, Điểm d Khoản 2 Điều 5 của Nghị định này và Điều kiện thực tế của địa phương để quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định cụ thể về tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh để nhà trường chủ động trong việc tổ chức nấu ăn cho học sinh tại trường.”, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 30/9/2016 Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Nghị quyết số 27).

Tuy nhiên, theo Kết luận kiểm tra số 02-KL-KTrVB ngày 21/01/2021 của Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp đã kiến nghị xử lý nội dung không hợp pháp của Nghị quyết số 27 của HĐND tỉnh.

Từ những lý do trên, việc ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 27 của HĐND tỉnh là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Ban hành Nghị quyết Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi làm căn cứ để thực hiện chính sách theo Nghị định 116.

### **2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

- Việc xây dựng Nghị quyết bảo đảm đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật, phù hợp và có tính khả thi trên địa bàn tỉnh.
- Trình tự, thủ tục xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

Trên cơ sở ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 50/HĐND-DT ngày 23/3/2021 về việc xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 27 của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã giao cho Sở GDĐT chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các Sở, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 27 của HĐND tỉnh tại Công văn số 1272/UBND-KGVX ngày 29/3/2021. Sở GDĐT đã tiến hành xây dựng dự thảo Nghị quyết và có văn bản gửi các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố và đăng tải toàn văn nội dung Dự thảo trên Cổng thông tin điện tử tỉnh để lấy ý kiến rộng rãi theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong thời gian 30 ngày.

Trên cơ sở báo cáo của các sở, ban ngành, địa phương; Sở GDĐT đã hoàn chỉnh dự thảo gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 94/BC-STP ngày 01/6/2021. Trong thời điểm này, dự thảo Nghị quyết được xây dựng dựa trên các xã, thôn đặc biệt khó khăn được quy định tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Tuy nhiên, ngày 04/6/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 861/QĐ-TTg về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 thay thế Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 18/6/2021, Ủy ban Dân tộc ban hành Quyết định số 433/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2021-2025.

Sở GDĐT tiếp tục có văn bản gửi các huyện để rà soát điều chỉnh đúng

theo Quyết định số 861/QĐ-TT ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban Dân tộc.

Trên cơ sở kết quả rà soát của các địa phương và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 94/BC-STP ngày 01/6/2021, Sở GDĐT đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, gửi Sở Tư pháp thẩm định bổ sung tại Báo cáo số 134/BC-STP ngày 02/7/2021.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT**

##### **1. Bố cục**

Nghị quyết gồm 6 điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh; Điều 2. Đối tượng áp dụng; Điều 3. Quy định khoảng cách và địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; Điều 4. Tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh; Điều 5. Tổ chức thực hiện; Điều 6. Hiệu lực thi hành.

##### **2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết**

###### **a) Căn cứ pháp lý**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

- Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

###### **b) Nội dung chi tiết**

###### **- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

“Nghị quyết này Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.”

###### **- Điều 2. Đối tượng áp dụng**

“1. Đối với học sinh, gồm:

a) Học sinh tiểu học và trung học cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 116.

b) Học sinh trung học phổ thông theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 116.

c) Học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 116.

2. Đối với các trường phổ thông, gồm:

a) Trường phổ thông dân tộc bán trú;

b) Trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116.”

**- Điều 3. Quy định khoảng cách và địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày**

“1. Khoảng cách:

Trường hợp học sinh đi học phải qua địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn như qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá có thể gây mất an toàn, nguy hiểm đối với học sinh khi đi học được xác định với khoảng cách như sau: Nhà ở xa trường với khoảng cách từ 1 km trở lên đối với học sinh tiểu học, từ 2 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở và từ 3 km trở lên đối với học sinh trung học phổ thông.

2. Địa bàn: Xã, thôn, tổ dân phố đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn.

*(Có Phụ lục kèm theo)”*

**- Điều 4. Tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh**

“1. Trường hợp trường phổ thông dân tộc bán trú tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh được hỗ trợ kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh theo định mức khoán kinh phí bằng 200% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh, số dư từ 15 học sinh trở lên được tính thêm một lần định mức; nhưng mỗi trường chỉ được hưởng không quá 05 lần định mức nêu trên/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm.

2. Trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116 được hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh theo quy định tại khoản 1 Điều này.”

*(Có dự thảo Nghị quyết và Báo cáo thẩm định số 94/BC-STP ngày 01/6/2021 và số 134/BC-STP ngày 02/7/2021 của Sở Tư pháp kèm theo).*

Kính trình HĐND tỉnh xem xét thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh (25 bản);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc - HĐND tỉnh;
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tư pháp;
- VPUB: CVP, PCVP(VX), TH, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đặng Văn Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: /2021/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2021

Dự thảo

### **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày.. tháng.. năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày ... tháng 7 năm 2021 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.



## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

### 1. Đối với học sinh, gồm:

a) Học sinh tiểu học và trung học cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

b) Học sinh trung học phổ thông theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

c) Học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.

### 2. Đối với các trường phổ thông, gồm:

a) Trường phổ thông dân tộc bán trú;

b) Trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.

## **Điều 3. Quy định khoảng cách và địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày**

### 1. Khoảng cách:

Trường hợp học sinh đi học phải qua địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn như qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá có thể gây mất an toàn, nguy hiểm đối với học sinh khi đi học được xác định với khoảng cách như sau: Nhà ở xa trường với khoảng cách từ 1 km trở lên đối với học sinh tiểu học, từ 2 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở và từ 3 km trở lên đối với học sinh trung học phổ thông.

2. Địa bàn: Xã, thôn, tổ dân phố đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn.

(Có Phụ lục kèm theo)

## **Điều 4. Tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh**

1. Trường hợp trường phổ thông dân tộc bán trú tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh được hỗ trợ kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh theo định mức khoán kinh phí bằng 200% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh, số dư từ 15 học sinh trở lên được tính thêm một lần định mức; nhưng mỗi trường chỉ được hưởng không quá 05 lần định mức nêu trên/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm.





2. Trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ được hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh theo quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày ....tháng....năm 2021, có hiệu lực từ ngày....tháng....năm 2021 và thay thế Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XII, Kỳ họp thứ 3 Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội; Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Vụ Pháp chế, Ủy ban dân tộc;
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH;
- TTTU, TT HĐND, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, Hội đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Thị Quỳnh Vân**



## Phụ lục

**QUY ĐỊNH KHOẢNG CÁCH VÀ ĐỊA BÀN THÔN, TỔ DÂN PHỐ, XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN CÓ ĐỊA HÌNH CÁCH TRỞ, GIAO THÔNG ĐI LẠI KHÓ KHĂN PHẢI QUA ĐÈO NÚI CAO; QUA SÔNG, SUỐI, ...(KHÔNG CÓ CẦU); QUA VÙNG SẠT LỎ ĐẤT, ĐÁ HỌC SINH KHÔNG THỂ ĐI ĐẾN TRƯỜNG VÀ TRỞ VỀ NHÀ TRONG NGÀY**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số / 2021/NQ-HĐND ngày tháng năm 2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Danh sách địa bàn	Khoảng cách (Km)	Tên trường	Ghi chú
<b>A. HUYỆN MINH LONG</b>				
<b>I</b>	<b>Tiểu học</b>	<b>≥ 1</b>		
<b>1</b>	<b>Xã Long Môn</b>			Xã khu vực III
	Thôn Cà Xen		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Long Môn	
	Thôn Làng Ren			
	Thôn Làng Giữa			
<b>II</b>	<b>Trung học cơ sở</b>	<b>≥ 2</b>		
<b>1</b>	<b>Xã Long Môn</b>			Xã khu vực III
	Thôn Làng Giữa		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Long Môn	
	Thôn Cà Xen			
<b>B. HUYỆN SƠN HÀ</b>				
<b>I</b>	<b>Tiểu học</b>	<b>≥ 1</b>		
<b>1</b>	<b>Xã Sơn Nham</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Bầu Sơn		Tiểu học và THCS Sơn Nham II	
	Thôn Cận Sơn			
	Thôn Chàm Rao			
<b>2</b>	<b>Xã Sơn Hải</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Làng Trắng		Tiểu học và THCS Sơn Hải	
	Thôn Làng Lành			
	Thôn Tà Pía			
<b>3</b>	<b>Xã Sơn Thủy</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Giá Gối		Tiểu học và THCS Sơn Thủy	
	Thôn Tà Cơm			
	Thôn Làng Rào			

<i>TT</i>	<i>Danh sách địa bàn</i>	<i>Khoảng cách (Km)</i>	<i>Tên trường</i>	<i>Ghi chú</i>
<b>4</b>	<b>Xã Sơn Kỳ</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Bò Nung		Tiểu học Sơn Kỳ	
	Thôn Mô Níc			
	Thôn Tà Bắc			
	Thôn Nước Lác			
<b>5</b>	<b>Xã Sơn Ba</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Làng Ranh		Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Sơn Ba	
<b>6</b>	<b>Xã Sơn Thượng</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Tà Pa		Tiểu học Sơn Thượng	
<b>7</b>	<b>Xã Sơn Bao</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Nước Bao		Tiểu học và THCS Sơn Bao	
	Thôn Mang Nà			
	Thôn Nước Rinh			
	Thôn Nước Tang			
	Thôn Làng Mừng			
<b>8</b>	<b>Xã Sơn Trung</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Làng Rin		Tiểu học và THCS Sơn Trung	
	Thôn Làng Đèo			
	Thôn Gia Ry			
<b>II</b>	<b>Trung học cơ sở</b>	<b>≥ 2</b>		
<b>1</b>	<b>Xã Sơn Nham</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Cận Sơn		Tiểu học và THCS Sơn Nham; Tiểu học và THCS Sơn Nham II	
	Thôn Chàm Rao		Tiểu học và THCS Sơn Nham	
	Thôn Xà Riêng			
<b>2</b>	<b>Xã Sơn Hải</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Làng Trắng		Tiểu học và THCS Sơn Hải	
	Thôn Tà Pía			

<i>TT</i>	<i>Danh sách địa bàn</i>	<i>Khoảng cách (Km)</i>	<i>Tên trường</i>	<i>Ghi chú</i>
<b>3</b>	<b>Xã Sơn Ba</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Làng Già		THCS Sơn Ba	
	Thôn Làng Ranh			
	Thôn Mò O			
	Thôn Kà Khu			
	Thôn Di Hoăng			
<b>4</b>	<b>Xã Sơn Bao</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Mang Nà		Tiểu học và THCS Sơn Bao	
	Thôn Nước Tang			
	Thôn Nước Bao			
<b>5</b>	<b>Xã Sơn Trung</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Làng Rin		Tiểu học và THCS Sơn Trung	
	Thôn Làng Đèo			
	Thôn Gia Ry			
<b>6</b>	<b>Xã Sơn Thủy</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Tà Bần		Tiểu học và THCS Sơn Thủy	
	Thôn Làng Rào			
	Thôn Tà Cơm			
	Thôn Tà Bi			
<b>7</b>	<b>Xã Sơn Kỳ</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Bò Nung		THCS và THPT Phạm Kiệt	
	Thôn Làng Trắng			
	Thôn Nước Lác			
	Thôn Tà Bắc			
	Thôn Mô Níc			
<b>III</b>	<b>Trung học phổ thông</b>	<b>≥ 3</b>		
<b>1</b>	<b>Sơn Hải</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Tà Pía		THCS và THPT Phạm Kiệt	
	Thôn Gò Sim			
	Thôn Tà Mát			
	Thôn Làng Lành			
	Thôn Làng Trắng			

<i>TT</i>	<i>Danh sách địa bàn</i>	<i>Khoảng cách (Km)</i>	<i>Tên trường</i>	<i>Ghi chú</i>
<b>2</b>	<b>Xã Sơn Thủy</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Tà Bi			
	Thôn Tà Bản			
	Thôn Tà Com			
	Thôn Giá Gối			
<b>3</b>	<b>Xã Sơn Kỳ</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Bò Nung			
	Thôn Làng Trắng			
	Thôn Nước Lác			
	Thôn Tà Bắc			
	Thôn Mô Níc			
<b>4</b>	<b>Xã Sơn Ba</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Làng Già			
	Thôn Mò O			
	Thôn Làng Ranh			
	Thôn Kà Khu			
	Thôn Di Hoăng			
	Thôn Làng Bung			
	Thôn Gò Da			
<b>5</b>	<b>Xã Sơn Nham</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Xà Nay		THPT Quang Trung	
<b>6</b>	<b>Thị trấn Di Lăng</b>			Xã Khu Vực I
	Tổ dân phố Nước Nia		THPT Sơn Hà	
<b>C. HUYỆN SƠN TÂY</b>				
<b>I</b>	<b>Tiểu học</b>	<b>≥1</b>		
<b>1</b>	<b>Xã Sơn Dung</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Đăk Lang		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Dung	
	Thôn Đăk Trên			
	Thôn Gò Lã			
<b>2</b>	<b>Xã Sơn Mùa</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Nước Mìn		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Đình Thanh Kháng	
	Thôn Huy Em			
	Thôn Tu La			

<i>TT</i>	<i>Danh sách địa bàn</i>	<i>Khoảng cách (Km)</i>	<i>Tên trường</i>	<i>Ghi chú</i>
<b>3</b>	<b>Xã Sơn Bua</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Nước Tang		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Bua	
	Thôn Mang He			
	Thôn Mang Tà Bể			
<b>4</b>	<b>Xã Sơn Liên</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Tang Tong		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Liên	
	Thôn Nước Vương			
	Thôn Đắc Doa			
<b>5</b>	<b>Xã Sơn Long</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Ra Pân		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Long	
	Thôn Mang Hìn			
	Thôn Ra Manh			
	Thôn Tà Vay			
<b>6</b>	<b>Xã Sơn Tân</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Tà Đô		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Tân	
	Thôn Ra Nhua			
	Thôn Bãi Màu			
<b>7</b>	<b>Xã Sơn Màu</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Tà Vinh		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Màu	
	Thôn Hà Lên			
	Thôn Đắc Pao			
	Thôn Đắc Panh			
<b>8</b>	<b>Xã Sơn Tinh</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Xà Ruông		Tiểu học và THCS Sơn Tinh	
	Thôn Bà He			
<b>9</b>	<b>Xã Sơn Lập</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Tà Ngàm		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Lập	

<i>TT</i>	<i>Danh sách địa bàn</i>	<i>Khoảng cách (Km)</i>	<i>Tên trường</i>	<i>Ghi chú</i>
<b>II</b>	<b>Trung học cơ sở</b>	<b>≥ 2</b>		
<b>1</b>	<b>Xã Sơn Dung</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Đăk Lang		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Dung	
	Thôn Đăk Trên			
	Thôn Gò Lã			
<b>2</b>	<b>Xã Sơn Mùa</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Nước Min		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Đinh Thanh Kháng	
	Thôn Huy Em			
<b>3</b>	<b>Xã Sơn Bua</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Nước Tang		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Bua	
	Thôn Mang He			
	Thôn Mang Tà Bê			
<b>4</b>	<b>Xã Sơn Liên</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Tang Tong		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Liên	
	Thôn Đăk Doa			
<b>5</b>	<b>Xã Sơn Long</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Ra Pân		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Long	
	Thôn Mang Hin			
<b>6</b>	<b>Xã Sơn Tân</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Tà Đô		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Tân	
	Thôn Đăk Be			
	Thôn Bãi Màu			
<b>7</b>	<b>Xã Sơn Màu</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Tà Vinh		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Màu	
	Thôn Hà Lên			
	Thôn Đăk Pao			
	Thôn Đăk Panh			



<i>TT</i>	<i>Danh sách địa bàn</i>	<i>Khoảng cách (Km)</i>	<i>Tên trường</i>	<i>Ghi chú</i>	
<b>8</b>	<b>Xã Sơn Tinh</b>			Xã Khu Vực III	
	Thôn Xà Ruông		Tiểu học và THCS Sơn Tinh		
	Thôn Bà He				
	Thôn Ka năng				
	Thôn Ra Tân				
<b>9</b>	<b>Xã Sơn Lập</b>			Xã Khu Vực III	
	Thôn Tà Ngàm		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Lập		
<b>III</b>	<b>Trung học phổ thông</b>				
<b>1</b>	<b>Xã Sơn Mùa</b>	$\geq 3$		Xã Khu Vực III	
	Thôn Tu La		THPT Đinh Tiên Hoàng		
	Thôn Huy Em				
<b>2</b>	<b>Xã Sơn Dung</b>				Xã Khu Vực III
	Thôn Tan Via				
	Thôn Đăk Trên				
	Thôn Đăk Lang				
	Thôn Huy Mãng				
	Thôn Gò Lã				
<b>3</b>	<b>Xã Sơn Liên</b>				Xã Khu Vực III
	Thôn Tang Tong				
	Thôn Nước Vương				
<b>D. HUYỆN BA TƠ</b>					
<b>I</b>	<b>Tiểu học</b>	$\geq 1$			
<b>1</b>	<b>Xã Ba Ngạc</b>			Xã Khu Vực III	
	Thôn Krên		Tiểu học và THCS Ba Ngạc		
	Thôn Ba Lãng				
	Thôn Nước Lầy				

<i>TT</i>	<i>Danh sách địa bàn</i>	<i>Khoảng cách (Km)</i>	<i>Tên trường</i>	<i>Ghi chú</i>
<b>2</b>	<b>Xã Ba Tiêu</b>			Xã khu vực III
	Thôn Krây		Tiểu học và THCS Ba Tiêu	
	Thôn Nước Tia			
	Thôn Mang Biều			
<b>3</b>	<b>Xã Ba Xa</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Nước Lãng		Tiểu học Ba Xa	
	Thôn Nước Chạch			
	Thôn Gò Hre			
	Thôn Ba Ha			
	Thôn Nước Như			
	Thôn Mang Mu			
<b>4</b>	<b>Xã Ba Tô</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Làng Mạ		Tiểu học Ba Tô	
	Thôn Làng Xi II			
	Thôn Làng Xi I			
	Thôn Trà Nô			
	Thôn Mang Lùng I			
<b>5</b>	<b>Xã Ba Trang</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Kon Dóc		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Ba Trang	
	Thôn Bùi Hui			
	Thôn Kon Riêng			
	Thôn Cây Muối			
	Thôn Nước Đàng			
<b>6</b>	<b>Xã Ba Giang</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Ba Nhà		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Ba Giang	
	Thôn Gò Khôn			
	Thôn Nước Lô			

<i>TT</i>	<i>Danh sách địa bàn</i>	<i>Khoảng cách (Km)</i>	<i>Tên trường</i>	<i>Ghi chú</i>
7	<b>Xã Ba Bích</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Nước Đàng		Tiểu học và THCS Ba Bích	
	Thôn Đồng Vào			
8	<b>Xã Ba Lễ</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Làng Tốt		Tiểu học và THCS Ba Lễ	
9	<b>Xã Ba Vi</b>			Xã khu vực II
	Thôn Nước Xuyên		Tiểu học Ba Vi	
10	<b>Xã Ba Vinh</b>			Xã khu vực III
	Thôn Ba Sơn		Tiểu học và THCS Ba Vinh	
	Thôn Ba Lang			
11	<b>Xã Ba Dinh</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Làng Mãng		Tiểu học Ba Dinh	
	Thôn Nước Lang			
	Thôn Kách Lang			
	Thôn Đồng Dinh			
	Thôn Kà La			
	Thôn Gò Ghèm			
12	<b>Xã Ba Nam</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Làng Dút		Tiểu học và THCS Ba Nam	
	Thôn Làng Vờ			
<b>II</b>	<b>Trung học cơ sở</b>	<b>≥ 2</b>		
1	<b>Xã Ba Ngạc</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Krên		Tiểu học và THCS Ba Ngạc	
	Thôn Ba Lãng			
	Thôn Nước Lầy			
2	<b>Xã Ba Tiêu</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Krày		Tiểu học và THCS Ba Tiêu	
	Thôn Nước Tĩa			
	Thôn Mang Biều			

<i>TT</i>	<i>Danh sách địa bàn</i>	<i>Khoảng cách (Km)</i>	<i>Tên trường</i>	<i>Ghi chú</i>
<b>3</b>	<b>Xã Ba Xa</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Nước Lãng		Phổ thông dân tộc bán trú THCS Ba Xa	
	Thôn Mang Mu			
	Thôn Ba Ha			
<b>4</b>	<b>Xã Ba Tô</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Làng Mạ		THCS Ba Tô	
	Thôn Làng Xi I			
	Thôn Mang Lùng I			
	Thôn Trà Nô			
	Thôn Làng Xi II		THCS Ba Tô; THCS Ba Dinh-Ba Tô	
<b>5</b>	<b>Xã Ba Dinh</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Làng Mãng		THCS Ba Dinh-Ba Tô	
	Thôn Nước Lang			
	Thôn Kách Lang			
	Thôn Đồng Dinh			
	Thôn Cà La			
	Thôn Gò Ghè			
<b>6</b>	<b>Xã Ba Giang</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Ba Nhà		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Ba Giang	
	Thôn Gò Khôn			
	Thôn Nước Lô			
<b>7</b>	<b>Xã Ba Bích</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Đồng Vào		Tiểu học và THCS Ba Bích	
<b>8</b>	<b>Xã Ba Nam</b>			Xã Khu Vực III
	Thôn Làng Dút		Tiểu học và THCS Ba Nam	
	Thôn Làng Vờ			

<i>TT</i>	<i>Danh sách địa bàn</i>	<i>Khoảng cách (Km)</i>	<i>Tên trường</i>	<i>Ghi chú</i>	
9	<b>Xã Ba Trang</b>			Xã Khu Vực III	
	Thôn Kon Riêng		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Ba Trang		
10	<b>Xã Ba Vi</b>			Xã Khu Vực II	
	Thôn Nước Xuyên		THCS Ba Vi		
<b>III</b>	<b>Trung học phổ thông</b>	<b>≥ 3</b>			
1	<b>Xã Ba Tô</b>			Xã Khu Vực III	
	Thôn Làng Mạ		THPT Phạm Kiệt		
	Thôn Làng Xi I				
	Thôn Làng Xi II				
2	<b>Xã Ba Tiêu</b>				Xã khu vực III
	Thôn Krây				
	Thôn Nước Tĩa				
	Thôn Mang Biều				
3	<b>Xã Ba Vi</b>			Xã khu vực II	
	Thôn Nước Xuyên			Thôn ĐBKK theo QĐ 433/QĐ-UBDT ngày 18/6/2021	
4	<b>Xã Ba Bích</b>			Xã Khu Vực III	
	Thôn Nước Đàng		THPT Ba Tư		
	Thôn Đồng Vào				
	Thôn Làng Mâm				
5	<b>Xã Ba Dinh</b>				Xã Khu Vực III
	Thôn Làng Măng				
	Thôn Nước Lang				
	Thôn Cà La				
	Thôn Kách Lang				
	Thôn Đồng Dinh				
	Thôn Gò Ghềm				

<i>TT</i>	<i>Danh sách địa bàn</i>	<i>Khoảng cách (Km)</i>	<i>Tên trường</i>	<i>Ghi chú</i>
<b>E. HUYỆN TRÀ BÔNG</b>				
<b>I</b>	<b>Tiểu học</b>	<b>≥ 1</b>		
<b>1</b>	<b>Xã Trà Sơn</b>			Xã khu vực III
	Thôn Sơn Bàn (tổ 3,4,5)		Tiểu học Trà Sơn số II	
	Thôn Cà Tinh		Tiểu học số 1 Trà Sơn	
	Thôn Bắc			
	Thôn Đông			
	Thôn Tây			
<b>2</b>	<b>Xã Trà Thủy</b>			Xã khu vực III
	Thôn 1		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Trà Thủy	
	Thôn 3			
	Thôn 4			
	Thôn 6			
<b>3</b>	<b>Xã Trà Giang</b>			Xã khu vực III
	Thôn 1-Cầu treo (tổ 1)		Tiểu học Trà Giang	
	Thôn 2			
	Thôn 3			
<b>4</b>	<b>Xã Trà Tân</b>			Xã khu vực III
	Thôn Trà Ót		Tiểu học và THCS Trà Tân	
<b>5</b>	<b>Xã Trà Bùi</b>			Xã khu vực III
	Thôn Niên		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Trà Bùi	
	Thôn Tây			
	Thôn Tang			
	Thôn Quế			
	Thôn Nước Nia			
<b>6</b>	<b>Xã Trà Lâm</b>			Xã khu vực III
	Thôn Trà Hoa		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Trà Lâm	
	Thôn Trà Lạc			

<i>TT</i>	<i>Danh sách địa bàn</i>	<i>Khoảng cách (Km)</i>	<i>Tên trường</i>	<i>Ghi chú</i>
<b>7</b>	<b>Xã Trà Hiệp</b>			Xã khu vực III
	Thôn Bãng		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Trà Hiệp	
	Thôn Nguyên			
	Thôn Cả			
	Thôn Cưa			
<b>8</b>	<b>Xã Trà Phong</b>			Xã khu vực III
	Thôn Trà Niu		Tiểu học Trà Phong	
	Thôn Gò Rô			
	Thôn Hà Riêng			
	Thôn Trà Bung		Tiểu học số 2 Trà Phong	
<b>9</b>	<b>Xã Trà Thanh</b>			Xã khu vực III
	Thôn Vuông		Tiểu học Trà Thanh	
	Thôn Môn			
	Thôn Cát			
	Thôn Gõ			
<b>10</b>	<b>Xã Trà Xinh</b>			Xã khu vực III
	Thôn Trà Ôi		Tiểu học Trà Xinh	
	Thôn Trà Kem			
	Thôn Trà Veo			
<b>11</b>	<b>Xã Sơn Trà</b>			Xã khu vực III
	Thôn Hà		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Trà	
	Thôn Sơn			
	Thôn Đông			
	Thôn Trà Xuyên		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Sơn Trà	
	Thôn Trà Ong			
	Thôn Trà Bao			

<i>TT</i>	<i>Danh sách địa bàn</i>	<i>Khoảng cách (Km)</i>	<i>Tên trường</i>	<i>Ghi chú</i>
<b>12</b>	<b>Xã Hương Trà</b>			Xã khu vực III
	Thôn Trà Liên		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học số 1 Hương Trà	
	Thôn Trà Lương			
	Thôn Trà Linh			
	Thôn Trà Huỳnh		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học số 2 Hương Trà	
	Thôn Trà Vân			
	Thôn Cà Đam			
<b>13</b>	<b>Xã Trà Tây</b>			Xã khu vực III
	Thôn Đam		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Trà Tây	
	Thôn Xanh			
	Thôn Vàng			
	Thôn Bắc Nguyên		Tiểu học Trà Tây	
	Thôn Bắc Dương			
	Thôn Tây			
	Thôn Tre			
<b>II</b>	<b>Trung học cơ sở</b>	<b>≥ 2</b>		
<b>1</b>	<b>Xã Trà Sơn</b>			Xã khu vực III
	Thôn Tây		Phổ thông dân tộc bán trú THCS Trà Sơn	
	Thôn Sơn Bàn			
	Thôn Sơn Thành			
	Thôn Bắc 2 (tổ 4,5)			
	Thôn Kà Tinh			
<b>2</b>	<b>Xã Trà Thủy</b>			Xã khu vực III
	Thôn 1		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Trà Thủy	
	Thôn 2			
	Thôn 3			
	Thôn 4			
	Thôn 6			



<i>TT</i>	<i>Danh sách địa bàn</i>	<i>Khoảng cách (Km)</i>	<i>Tên trường</i>	<i>Ghi chú</i>
<b>3</b>	<b>Xã Trà Tân</b>			Xã khu vực III
	Thôn Trà Ót		Tiểu học và THCS Trà Tân	
<b>4</b>	<b>Xã Trà Bùi</b>			Xã khu vực III
	Thôn Niên		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Trà Bùi	
	Thôn Tây			
	Thôn Tang			
	Thôn Quế			
	Thôn Nước Nia			
<b>5</b>	<b>Xã Trà Lâm</b>			Xã khu vực III
	Thôn Trà Hoa		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Trà Lâm	
	Thôn Trà Khương			
	Thôn Trà Lạc			
<b>6</b>	<b>Xã Trà Hiệp</b>			Xã khu vực III
	Thôn Bãng		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Trà Hiệp	
	Thôn Nguyên			
	Thôn Cả			
	Thôn Cưa			
<b>7</b>	<b>Xã Trà Phong</b>			Xã khu vực III
	Thôn Trà Niu		THCS Trương Ngọc Khang THCS Trà Phong	
	Thôn Gò Rô			
	Thôn Hà Riêng			
	Thôn Trà Bung			
<b>8</b>	<b>Xã Trà Thanh</b>			Xã khu vực III
	Thôn Vuông		Phổ thông dân tộc bán trú THCS Trà Thanh	
	Thôn Môn			
	Thôn Cát			
	Thôn Gõ			
<b>9</b>	<b>Xã Trà Xinh</b>			Xã khu vực III
	Thôn Trà Ôi		Phổ thông dân tộc bán trú THCS Trà Xinh	
	Thôn Trà Kem			
	Thôn Trà Veo			

<i>TT</i>	<i>Danh sách địa bàn</i>	<i>Khoảng cách (Km)</i>	<i>Tên trường</i>	<i>Ghi chú</i>
<b>10</b>	<b>Xã Sơn Trà</b>			Xã khu vực III
	Thôn Hà		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Trà; THCS Trà Phong	
	Thôn Sơn		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Trà	
	Thôn Đông			
	Thôn Trà Xuyên		THCS Sơn Trà	
	Thôn Trà Ong			
	Thôn Trà Bao		THCS Sơn Trà; THCS Trà Phong	
<b>11</b>	<b>Xã Hương Trà</b>			Xã khu vực III
	Thôn Trà Liên		Phổ thông dân tộc bán trú THCS số 1 Hương Trà	
	Thôn Trà Lương			
	Thôn Trà Linh			
	Thôn Trà Huỳnh		Phổ thông dân tộc bán trú THCS số 2 Hương Trà	
	Thôn Trà Vân			
	Thôn Cà Đam			
<b>12</b>	<b>Xã Trà Tây</b>			Xã khu vực III
	Thôn Đam		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Trà Tây	
	Thôn Xanh			
	Thôn Bắc Nguyên		Phổ thông dân tộc bán trú THCS Trà Tây	
	Thôn Bắc Dương			
	Thôn Tây			
	Thôn Tre			
<b>III</b>	<b>Trung học phổ thông</b>	<b>≥ 3</b>		
<b>1</b>	<b>Xã Trà Thủy</b>			Xã khu vực III
	Thôn 3		THPT Trà Bồng	
	Thôn 5			
<b>2</b>	<b>Xã Trà Phong</b>			Xã khu vực III
	Thôn Gò rô		THPT Tây Trà	